



Thánh trà và văn hóa trà đạo Hàn Quốc

ISSN: 2734-9195

09:10 26/10/2025

Để tưởng niệm và tuyên dương Ngài, Lễ hội văn hoá mừng ngày Sinh nhật của Thánh trà Thảo Y Ý Tuấn được tổ chức thường niên vào ngày 5 tháng 4 Âm lịch, thu hút rất nhiều khách du lịch và người trân quý trà đạo.

Thánh trà Thảo Y Ý Tuấn, một vị Thiền sư vĩ đại vào cuối triều đại Joseon, là người sáng lập trà đạo Hàn Quốc, được tôn vinh là vị Thánh trà (聖茶).

Tư tưởng của Đại sư Thảo Y Ý Tuấn không ngoài “Trà thiền nhất vị” (茶禪一味), nghĩa là uống trà chính là niềm vui, là nếp thiền, là thực hành thiền định, hoà nhập vào niềm hạnh phúc qua triết lý đạo Phật và trà đạo.

Ngài kiến tạo Nhất Chi Am (一智庵, 一智庵) và chuyên chú vào Thiền chỉ quán (禪指觀), trong Phật giáo là một phương pháp thiền định tập trung vào hai yếu tố chính: “Chỉ” (指) là sự tĩnh lặng, tập trung tâm ý, “Quán” (觀) là sự quán sát, phân tích và hiểu biết sâu sắc về bản chất của hiện thực. Ngài không ngừng nỗ lực tìm cầu chân lý sâu xa của Thiền tông bất nhị và đạt đến cảnh giới Trà thiền Tam muội (茶禪三昧, 茶禪三昧).



Thiền sư Thào Ý Tuấn (조영준, 1786-1866), bậc thầy về pha Trà, bậc Thánh khai sáng Trà Đạo Hàn Quốc, cha đẻ của Trà đạo Hàn Quốc, người đưa nghệ thuật pha Trà, tiếp hơi thở cuộc sống mới tại Hàn Quốc. Ngài là vị Thiền sư Phật giáo, vào đầu nửa thế kỷ XIX, người đã giới thiệu Trà đạo vào các nghi lễ Phật giáo đến nhiều học giả, quý tộc không hài lòng với thời đại Joseon Tân Nho giáo cứng nhắc, một trường phái triết học phát triển từ Nho giáo truyền thống.

Thiền sư Thào Ý Tuấn sinh hoạt Phật sự trong thời gian dài tại chùa Đại Hưng (대흥사, 충청남도), quận Haenam, tỉnh Jeolla Nam và tiếp tục hoằng truyền pháp mạch Thiền tông Phật giáo với tư cách là vị Thiền sư đại diện cho triều đại Joseon sau này. Ngài không chỉ tài hoa về thư pháp, hội họa, trà đạo mà lại còn được coi là bậc đại sư về thi ca với thể loại Thất ngôn tứ tuyệt (七言四句, 七言四句), thể thơ mỗi bài có 4 câu và mỗi câu 7 chữ. Đặc biệt, Ngài giỏi về hội họa, hầu hết các bức tranh được lưu giữ tại chùa Đại Hưng, bao gồm cả tranh Phật giáo và chân dung đều do Ngài vẽ. Ngài đã truyền trao cho đệ tử, một nhà lãnh đạo trường phái Nam Tông Hoạ (남종화, 남종화).

Ngài là một nhà thư pháp, nghệ sĩ, một nhà thơ, Ngài đã xây dựng được tình đạo hữu sâu sắc với những nhân vật nổi tiếng khác cùng thời, trong đó có một tài năng vượt thời đại, Trà San Đình Nhã Dung (茶山 庭 訥 , 1762-1836), người thầy vĩ đại của Joseon, ánh sáng của Thực học và Kim Jeong-hui (金 宗 熙 , 1786-1856), học giả, nhà thơ và nhà thư họa nổi tiếng Hàn Quốc.

Cuộc đời và Sự nghiệp

Ngài tục danh Trương Ý Tuấn (張 意 綽 , 張 意 綽), biệt danh Trung Phu (中 夫 , 中 夫), Đường hiệu Nhất Chi Am (一 枝 菴 , 一 枝 菴), Phật hiệu Ý Tuấn (意 綽 , 意 綽), sinh ngày 5 tháng 4 năm năm Bính Ngọ (02/05/1786, năm thứ 10 Triều Tiên Chính Tổ), tại thôn Wangsan, làng Samhyang, quận Muan, Jeollanam-do, một tỉnh ở phía Tây nam Hàn Quốc. Ngài là hậu duệ đời thứ 18 của Tộc phả họ Trương Hưng Thành (張 興 成 氏 (, 張 興 成 氏 氏 氏)).

Đến tuổi thanh xuân, Ngài đến Tổ đình Vân Hưng Tự (雲 興 寺 , 雲 興 寺), núi Deokyeong-san ở quận Dado, huyện Naju, tỉnh Jeolla Nam, thỉnh lễ Thiền sư Bích Phong Mẫn Tính (碧 峰 敏 性 , 碧 峰 敏 性) xin xuất gia và tu học Phật pháp.

Ở tuổi 19, sau trải nghiệm tu học Phật pháp trên Núi Wolchul-san, quận Yeongam, tỉnh Jeollanam-do, Ngài đến Tổ đình Đại Xuân Tự (大 春 寺 , 大 春 寺) thụ cụ túc giới (具 足 戒 , 具 足 戒) với Thiền sư Nguyên Hồ Doãn Hữu (元 湖 允 有 , 元 湖 允 有 , 1756-1826) và được ban pháp danh Thảo Y (草 伊).

Ngoài việc uyên bác về học thuật, Ngài còn là một họa sĩ tài năng, uyên thâm Phật học và từng biểu diễn nghệ thuật âm nhạc Phật giáo Beompae (梵 唄 , 梵 唄).

Mối quan hệ với học giả Trà San Đình Nhã Dung

Năm 1806, Ngài đã gặp gỡ học giả Trà San Đình Nhã Dung (茶 山 庭 訥 , 茶 山 庭 訥 , 1762-1836), khi đó đang sống tại quê mẹ Gangjin, cách Tổ đình Đại Xuân Tự (大 春 寺 , 大 春 寺) khoảng bảy hoặc tám dặm (khoảng 12,8 km) và Thiền sư Nhi Am Tuệ Tạng (尼 菴 慧 藏 , 尼 菴 慧 藏 , 1772-1811), phương trượng trụ trì Bạch Liên Tự (白 蓮 寺 , 白 蓮 寺), quận Gangjin, tỉnh Jeolla Nam, Hàn Quốc.

Năm 1809, tại huyện Gangjin, tỉnh Jeolla Nam, Ngài kết duyên Bồ đề quyến thuộc Phật pháp với học giả Trà San Đình Nhã Dung, cùng nhau học và nghiên cứu Kinh Dịch (經 義), dùng hệ thống ký hiệu đặc biệt để diễn tả sự chuyển hóa của sự vật, qua đó thể hiện quan điểm triết học và vũ trụ quan và thơ cổ điển Trung Hoa. Hai người sớm trở nên thân thiết trong tình đời ý đạo, mặc dù học giả Trà San Đình Nhã Dung là người có địa vị xã hội cao hơn và là một học giả Nho giáo chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền học thuật phương Tây (西 學) được coi là

một nền học vấn hơn là một tôn giáo, có xuất phát điểm của Thiên Chúa giáo Hàn Quốc. Những người đàn ông như thế thường ít hoặc không có thiện cảm với đạo Phật. Đây là minh chứng cho phẩm chất của Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn với tư cách là một học giả uyên bác, khi Ngài giành được sự ngưỡng mộ của một tài năng vượt thời đại, Trà San Đình Nhã Dung và các nhà văn, nhà thơ khác.

Gặp gỡ các học giả nổi tiếng ở Seoul

Năm 1815, lần đầu tiên Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn đến Seoul. Tuy nhiên, trong chuyến thăm vào cuối năm 1830, Ngài mới được công nhận rộng rãi và thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với một số học giả, quan chức có trình độ học vấn cao, một số người trong số họ đã đến Trung Hoa, những người đã trở thành bạn bè và người theo Ngài.

Ngài kết giao với văn nghệ sĩ và trí thức, những người sáng tạo, đóng góp trí tuệ và kỹ năng để nâng cao đời sống tinh thần của xã hội, bao gồm Phò mã của Triều Tiên Chính Tổ, vị quốc vương thứ 22 của nhà Triều Tiên (1776-1800), Hải Cư Đạo nhân Hồng Hiến Chu (洪顯周, 1793-1865) và anh trai Uyên Tuyên Hồng Thích Chu (洪適周, 1774-1842), con trai của các học giả Trà San Đình Nhã Dung, Vân Bô Đình Học Du (雲波庭學, 1786-1855), cũng như nhà thư pháp nổi tiếng Thu Sử Kim Chính Hỷ cùng các anh trai Sơn Tuyên Kim Mệnh Hỷ (金命禧, 1788-1857) và Cẩm My Kim Tương Hỷ (金相禧, 1794-1861).

Trong thời kỳ Triều Tiên (từ năm 1392 đến 1910), triều đình theo đuổi chính sách “trọng Nho, khinh Phật”, coi trọng học thuyết Khổng giáo và coi thường Phật giáo. Thật phi thường khi một tu sĩ Phật giáo, người được xếp vào hàng thấp nhất trong xã hội, cùng với thầy cúng (shaman) trong đạo Shaman (một tôn giáo của Hàn Quốc) và kỹ nữ (gái múa hát, trong văn hóa truyền thống Hàn Quốc, được các thành viên của tổ chức Khổng giáo công nhận là một nhà thơ và nhà tư tưởng theo cách này. Là một tu sĩ Phật giáo, Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn không được phép vào kinh đô Seoul và phải tiếp các bậc học giả này đến thăm khi sống và hoạt động Phật sự trong ngôi cổ tự Thanh Lương (Thanh Lương Cổ tự) bên ngoài cổng phía Đông của kinh đô Seoul hoặc trong một ẩn thất trên những ngọn đồi phía Bắc.

Cuộc sống ở Nhất Chi Am

Khi tuổi đã ngoài 40 xuân, năm 1824, Ngài lui về ngọn núi phía trên Tổ đình Đại Xuân Tự, vùng cực Tây nam của Hàn Quốc, xây dựng một Thảo Am nhỏ, mái lợp

rom, tường vách đất mang tên Nhất Chi Am (一室阿彌). Nơi Thảo Am thanh vắng, Ngài chuyên canh trồng chè và tĩnh tâm tu hành, sống đơn thân ở đây trong bốn mươi năm tiếp theo, công phu tu tập thiền theo cách mà Ngài phát triển và viết sách. Một thời gian dài sau khi Ngài viên tịch thì xảy ra một cuộc tranh cãi về phương pháp luận.

Ngài truyền tụng rằng: “Việc cuộc đất trồng Trà và thưởng thức Trà Đạo so với sự tu hành chẳng khác...” Những áng thơ in đậm nét tình Đời ý Đạo trong tuyển tập thơ Đông Trà Tụng (東茶頌 - 東茶頌) của mình, Ngài đã giới thiệu với độc giả cách chế biến, phân loại Trà, cách uống và thưởng thức Trà, sự ưu việt của hương, vị, phong cách và dược lý của Trà Hàn Quốc hơn hẳn so với Trà Trung Hoa:

“Tiếng nước sôi trong veo sao tĩnh lặng

Hương trà thơm mát dịu thấu tới xương

Tâm hồn vu vơ bừng tỉnh giấc

Mây trắng trắng thanh hai vị khách hững hờ

Liệu có bằng nơi đây của người tu niệm!”

Qua vài dòng tâm sự mộc mạc, thấu tình đạt lý, Ngài đã thể hiện phần nào được niềm an lạc hạnh phúc của một người thư giãn với chén Trà thơm ngon tinh khiết trong đêm khuya thanh vắng.

Nhà đại thư pháp, đại học giả, đại thi hào Kim Chính Hỷ (金正喜, 1786-1856) hiệu Thu Sứ (秋史) thường thư từ giao lưu đối ẩm Trà đạo ẩm tình đạo hữu với Thảo Y Thiền Sư. Một bức thư gửi Thiền sư Thảo Y về việc cho uống Trà đã viết:

“Ta không nhớ Thiền sư,

Cũng không mong thư của Người.

Nhưng vì nhớ vị Trà lưu tình không hôm nọ

Rồi ta sẽ đến để uống Trà.

Thư từ có chi mà viết

Chỉ là món nợ hai năm xin được trả một lần

Xin người nhớ cho đừng chậm trễ

Ta cũng mặc tình qua lại chữ lẽ nghi”.

Sau khi nhận được bức thư này, Thảo Y Thiền Sư đã gửi trả kèm theo thư cho Kim Chính Hy. Thư đáp rằng:

“Say hương Trà mắt như bùng sáng

Có hay không thư người gửi ta cũng chẳng màng!”

Nhị vị danh nhân nghệ sĩ tài ba, trọng nghĩa tình đạo hữu là vậy mà thư từ qua lại cho nhau sao thật chất phác, mộc mạc và gần gũi đời thường?

Mặt khác, Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn còn tích cực hoạt động với tư cách là thành viên của Hội đoàn Đồ Lãng Thi Xã (도량시회, 도량시회), bao gồm Tây San Đình Học Uyên (서산정학원, 서산정학원), Vân Bô Đình Học Du (운부정학두, 운부정학두), Chân Trai Phác Chung Lâm (진채박충림, 진채박충림), Khuông San Phác Chung Nho (경산박충노, 경산박충노) 등. Ngoài ra, trong “Thảo Y Thi Cảo” (서의시초, 서의시초) cũng xuất hiện nhiều nhân vật trong nhóm như Liên Xã (연사, 연사) nhóm Thanh Lương Tự (청량자, 청량자) và số lượng văn nhân có đến 37 người.

Hơn 40 năm, Ngài sinh hoạt tại Nhất Chi Am, chùa Đại Hưng, ở Haenam, cực Nam của đất nước Hàn Quốc, Ngài thường xuyên tiếp đón các học giả, văn nhân, nghệ sĩ. Điều này minh chứng cho phẩm chất và tài năng xuất chúng của Ngài.

Thực hành và viết về Thiền Phật giáo

Cuối triều đại Joseon (1392-1910), Hàn Quốc chứng kiến những thay đổi đáng kể về văn hóa, xã hội và kinh tế, việc thực hành thiền Phật giáo Hàn Quốc chỉ giới hạn trong Thiền Samatha (Samatha Bhavana), một phương pháp thiền định trong Phật giáo, tập trung vào việc làm dịu tâm trí và đạt được sự bình yên, thư thái. Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn chuyên dạy tu tập Thiền chỉ (samantha) và Thiền quán (vipassana), hai nội dung lớn trong vấn đề “phát triển của tâm”.

Cả hai phương pháp thiền tập này được coi là phương tiện tuyệt vời nhất đưa đến nhất tâm và tăng trưởng trí tuệ. Cụ thể, thiền chỉ làm dừng lại các dục và bất thiện pháp, đưa đến sự hỷ, lạc, nhất tâm; thiền quán nhờ quan sát sự vật hiện tượng như thật mà đoạn trừ vô minh phiền não đưa đến trí tuệ giải thoát. Như vậy cả hai đưa đến “tâm giải thoát”, “tuệ giải thoát”, thành tựu đạo quả, đoạn tận khổ đau sinh tử luân hồi.

Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn đã biên soạn tác phẩm “Tản mạn Bốn Luận đề về Thiền Môn” (산만사론, 산만사론), nhằm cảnh báo các nhà sư nhận thức nông

cạn về Phật pháp và giới hạn trong quá trình thực hành Phật pháp. Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn phê bình một tác phẩm “Thiền Văn Thủ Cảnh” (,) của Thiền sư Bạch Pha Hoàn Tuyền (, , 1767-1852), một trong những vị Thiền sư và bậc thầy về Thiền định vĩ đại nhất của Hàn Quốc.

Viết các tác phẩm về Trà đạo

Năm 1828, trong chuyến viếng thăm Am Thất Phật, núi Jirisan (, ,), Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn đã sao lục một bản văn về Trà nguyên tác chữ Hán thời nhà Minh, Trung Hoa. Hai năm sau, Ngài trở về Nhất Chỉ Am và đã biên soạn “Thần Trà truyện” (,) như một hướng dẫn đơn giản về các nguyên tắc cơ bản liên quan đến việc pha và thưởng thức trà.

Năm 1830, Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn xuất bản một tập thơ hiện đã thất lạc lời tựa và lời bạt của bốn học giả hàng đầu, trong đó họ thể hiện sự quan tâm đối với công phu tu tập thiền định và việc thưởng thức Trà đạo. Sau đó, Ngài trở về ẩn thất, nơi Ngài viết và hội họa thư pháp.

Năm 1837, theo yêu cầu của Phò mã triều đại Triều Tiên Hồng Hiến Chu (, , 1793-1865) Ngài sáng tác “Đông Trà Tụng” (,) ca ngợi Trà đạo Hàn Quốc. Đây là một tác phẩm mà Ngài được ca ngợi nhất trong số những người ngưỡng mộ trà đạo ở Hàn Quốc.

Năm 1838, trước khi đến viếng thăm những ngọn đồi xung quanh cố đô Seoul, Ngài đã vượt suối băng rừng đến đỉnh Biro, điểm cao nhất của núi Geumgang (), ngọn núi nổi tiếng của Bắc Triều Tiên và thế giới.

Đến tuổi 55, Triều Tiên Hiến Tông, Quốc Vương Triều Tiên (trị vì 1834-1849) đã ban Thánh chỉ truy tặng cho Ngài với danh hiệu “Đại Giác Đăng Giai Phổ Tế Tôn giả Thảo Y Đại Tông sư” (, ,).

Đến tuổi 58, Ngài trở về quê hương thăm lại ngôi nhà thời thơ ấu. Khi nhìn thấy ngôi mộ của song thân phụ mẫu đầy cỏ dại, Ngài đã ngẫu hứng sáng tác một bài thơ:

草 木 自 生 自 死

何 用 人 爲 之

昔 年 曾 見 父 母

墓 草 已 盈 庭

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□ □ □ □

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

Quy cố hương

Viễn biệt hương quan tứ thập thu

Quy lai bất giác tuyết doanh đầu

Tân cơ thảo một gia an tại

Cổ mộ đài hoang lý tích sầu

Tâm tử hận tòng hà xứ khởi

Huyết càn lệ diệp bất năng lưu

Cô cung canh dục tùy vân khứ

Kỷ hỷ nhân sinh quý thủ khâu.

Thăm Kim Chính Hỷ bị lưu đày

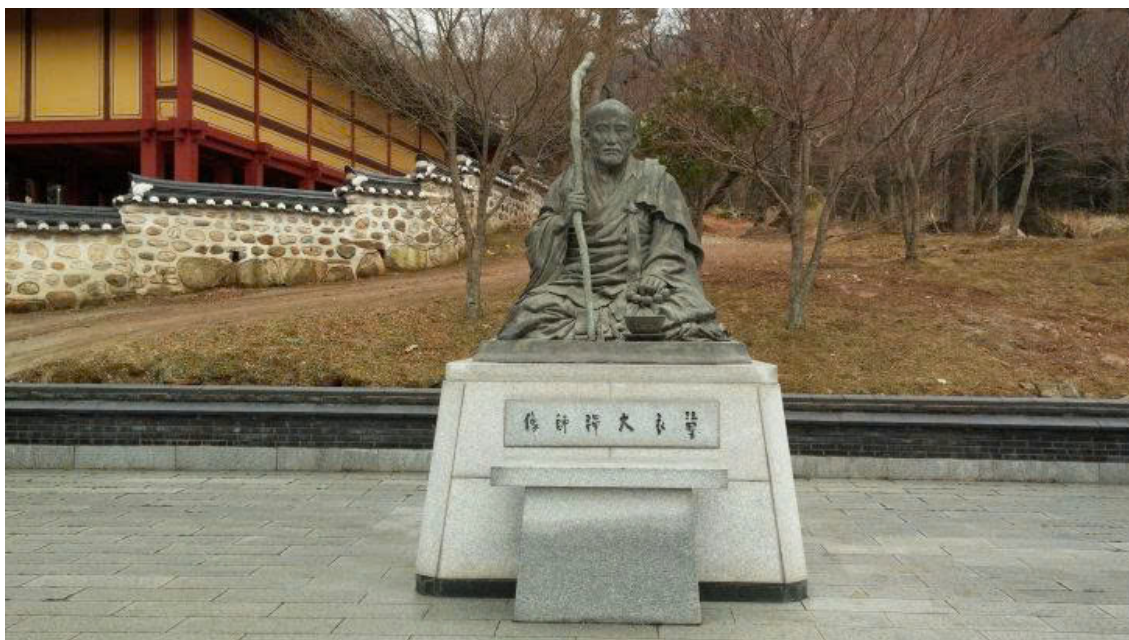
Từ năm 1840 đến 1848, nhà đại thư pháp, đại học giả, đại thi hào Kim Chính Hỷ (김정희, 1786-1856) bị lưu đày ở huyện Daejeong cách đảo Jeju về phía Tây Nam 80 lý (khoảng trên 30km).

Trong những năm bị lưu đày, Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn đã đến thăm ông không dưới năm lần, trong một lần ở lại sáu tháng, Ngài hướng dẫn ông thưởng thức trà đạo và triết lý đạo Phật. Khi Kim Chính Hỷ được trả tự do, ngay khi được đưa đến đất liền trên đường về cố đô Seoul, ông đã đến viếng thăm Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn tại Am Nhất Chỉ.

Những năm cuối đời

Một nghệ sĩ thư pháp chiếm vị trí độc tôn trong lịch sử nghệ thuật thư pháp Hàn Quốc cũng như trên thế giới, đại thi hào Kim Chính Hỷ đã từ giả trần gian vào tháng 10 năm Bính Thìn (1856) và một thời gian ngắn sau đó, Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn tuổi ngoài thất thập cổ lai hy (71 xuân), đã đến viếng thăm ngôi mộ của người bạn hiền tri kỷ đại thi hào Kim Chính Hỷ gần Asan, phía Tây nam Seoul.

Mặc dù tuổi cao nhưng Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn vẫn khỏe mạnh đến cuối đời. Suốt thời gian đó Ngài vẫn công phu tu tập thiền định. Sáng sớm, Ngài gọi thị giả đến giúp Ngài đứng dậy, ngồi kiết già trong tư thế hoa sen và thanh thân trút hơi thở, xả báo thân, nhập Chân như thật tính vào ngày 2 tháng 8 năm Bính Dần (10/09/1866), trụ thế 80 xuân, 65 năm sống với những giá trị sống trong giáo lý đạo Phật.



Là một Thiền sư Phật giáo của thời đại Triều Tiên (Choseon), Ngài cũng là một bậc thầy về pha Trà và được công nhận như là bậc Thánh khai sáng Trà Đạo Hàn Quốc.

Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn là một trong những nhân vật quan trọng nhất ở giai đoạn cuối thời Triều Tiên (Joseon). Ngài có tài năng xuất chúng và đầy năng lượng để tham gia vào mọi nghệ thuật cùng kết giao với những văn nghệ sĩ, trí thức trong khi vẫn tròn bổn phận của vị tu sĩ Phật giáo có những trách nhiệm quan trọng trong việc tu tập, giảng dạy và hoằng pháp.

Ngài đã cống hiến nhiều cho các lĩnh vực văn hoá và tâm linh, khuyến khích mọi người phát triển trí tuệ, thực hiện nhiều biện pháp khác nhau, từ giáo dục đến các hoạt động xã hội và cá nhân; đề cao cảnh giác tác hại của bệnh giáo điều làm cản trở sự phát triển của tư duy lý luận khoa học, làm hạn chế tính năng động, sáng tạo. Vì tính cách chân thành và nhân hậu trong những mối quan hệ bạn bè thân thiết, Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn được công nhận và được sự quý trọng từ triều đình đến nông thôn.

Mặc dù sống ở trước ngã ba đường của lịch sử Hàn Quốc, thời kỳ náo động trong các điều kiện chính trị xã hội, tôn giáo và văn hóa nhưng Ngài đã bắt nhịp cầu nối giữa cuộc sống chiêm nghiệm và hoạt động tâm linh Phật giáo, Nho giáo, Thiên chúa giáo và các tôn giáo khác.

Qua những thành tựu bản thân, Ngài đã chứng minh rằng không phải xuất thân và địa vị xã hội mới là điều quan trọng. Ngài đã để lại Hàn Quốc một tinh thần dân chủ hơn, ít phụ thuộc vào sự phân tầng xã hội nghiêm ngặt hơn, sự phân biệt và bất bình đẳng giữa các nhóm xã hội trở nên sâu sắc và khó thay đổi hơn. Tinh thần phi nhị nguyên cởi mở và thực tế của Thiền sư Thảo Y Ý Tuấn đã được

những thế hệ đệ tử kế thừa, những người đã phục vụ để khai sáng xã hội Hàn Quốc từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20. Tinh thần hoà hợp của Ngài truyền cảm hứng cho những người tìm kiếm cách giải quyết xung đột trong một thế giới đa tôn giáo.

Tháng 3 năm 1994, tại thôn Wangsan, làng Samhyang, quận Muan, Jeollanam-do, nơi sinh của Ngài, chính quyền và nhân dân đã tưởng niệm công đức của Ngài qua kiến tạo các công trình Truy Diệu Các (추도각), Truy Diệu Bi (추도비) và Kỷ niệm Triển Lãm Quán (추도전람관), tổ chức thành lập Trà Văn Hoá Quán (추도문화관), Trà Giáo Dục Quán (추도교육관)... Đây là Thánh địa dành cho những người có vị trí nhất định, được tôn trọng trong xã hội yêu quý trà đạo trên khắp cả nước.

Tháng 5 năm 1997, Thiền sư Thảo Y đã được chọn là danh nhân văn hóa Trà Đạo.

Để tưởng niệm và tuyên dương Ngài, Lễ hội văn hoá mừng ngày Sinh nhật của Thánh trà Thảo Y Ý Tuần được tổ chức thường niên vào ngày 5 tháng 4 Âm lịch, thu hút rất nhiều khách du lịch và người trân quý trà đạo.

Những tác phẩm của Ngài lưu lại cho hậu thế:

Thiền môn Tứ biện Mạn ngữ (사변만어, 사변만어) 1 quyển

Nhị Thiền Lai Nghi (이선래의, 이선래의) 1 quyển

Thảo Y Thi cảo (초야시초, 초야시초) 2 quyển

Chấn mặc Tổ sư Di tích khảo (진묵조사지적 khảo, 진묵조사지적) 1 quyển

Đông Trà tụng (동트라 tụng, 동트라 tụng) 1 quyển

Trà Thân truyện (차신전설, 차신전설) 1 quyển

Nhất Chi Am Thi cảo (일치암시초, 일치암시초) 1

Nhất Chi Am Văn tập (일치암문집, 일치암문집)

Thảo Y Thiền khoá (초야선화, 초야선화)

Thiền môn Niêm tụng Soạn Yếu số (선문니엄 tụng, 선문니엄) 1

Văn Tự Bát Nhã tập (문자팔경, 문자팔경)

Từ văn hóa Trà đạo Hàn Quốc, hương vị của Trà đạo lan tỏa khắp chốn nhân gian, đã đem lại nguồn cảm hứng cho các danh nghệ sĩ đã ngẫu hứng sáng tác những nhạc phẩm để lại cho hậu thế:

* Nhạc phẩm Cheongseonggok (Thanh thanh khúc) / Lee Du-won (sáo trúc ngắn Danso)

* Nhạc phẩm Dongdasong (Đông Trà Tụng) / Park Il-hun (sáng tác), Kim Byeong-oh (hát), Kim Jeong-su (sáo trúc ngang lớn Daegeum), Lee Ji-yeong (đàn tranh 12 dây Gayageum)

* Nhạc phẩm “Barami Jeonhaneun Mal” (Lời gió đưa) / Kwon Jeong-gu (sáng tác), Han Chung-eun (sáo trúc ngang nhỏ Sogeum), Noh Eun-ha (đàn nhị Haegeum), Kwon Jeong-gu (ghi-ta).

Tác giả: **Sa môn Lê Văn Phước**